

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng trợ cấp khó khăn và hỗ trợ học phí cho sinh viên học kỳ I năm học 2020 – 2021 (Đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông báo số 401/TB-ĐHSPKT ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc cấp học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học kỳ I năm học 2020-2021;

Căn cứ Biên bản số 68/BB-ĐHSPKT-TS&CTSV ngày 26 tháng 01 năm 2021 về Buổi gặp gỡ giữa PGS.TS Đỗ Văn Dũng – Hiệu trưởng nhà trường và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học kỳ I năm học 2020-2021;

Theo đơn nộp bổ sung của sinh viên, đề nghị của Trường các Khoa, đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp học bổng trợ cấp khó khăn và hỗ trợ học phí năm học 2020 – 2021, học kỳ 1 (Đợt 2) cho 50 sinh viên hệ chính quy có hoàn cảnh khó khăn, cần hỗ trợ tài chính (Danh sách đính kèm).

Điều 2: Mức trợ cấp được chi 01 lần, Số tiền trợ cấp được trích từ Quỹ học bổng Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập.



Điều 3: Các Ông, Bà là trưởng các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TS&CTSV (4b).



PGS.TS Đỗ Văn Dũng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TRỢ CẤP KHÓ KHĂN VÀ HỖ TRỢ HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2020-2021 - HỌC KỲ I (ĐỢT 2)

(Đính kèm Quyết định số/QĐ-ĐHSPKT-TS&CTSV ngày 18 tháng 03 năm 2021)

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa	Trợ cấp khó khăn	Hỗ trợ học phí	Tổng số tiền được nhận	STK	Ghi chú
1	19136082	Võ Thị Thu	Kinh tế	3,000,000	12,880,000	15,880,000	31410003427119	miễn 100% HP
2	20126174	Huỳnh Thị Diễm Quyên	Kinh tế	3,000,000	7,280,000	10,280,000	31410003954538	giảm 50% HP
3	20126113	Huỳnh Thị Mỹ Hậu	Kinh tế	3,000,000		3,000,000	31410003955665	
4	19151236	Lê Đăng Huy	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003760221	
5	19129016	Lê Thị Minh Hiếu	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003771296	
6	19142428	Lộc Đức Trường	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003657536	
7	20129075	Hồ Văn Pháp	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003967253	
8	19119192	Đinh Trường Luân	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003440602	
9	20151466	Lê Thị Hồng Hạnh	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003939410	
10	19142356	Lê Hồng Phát	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003773016	
11	20151574	Đoàn Thị Thùy	Điện - điện tử	3,000,000		3,000,000	31410003939243	
12	20149395	Châu Võ Minh Toàn	Xây dựng	3,000,000		3,000,000	31410003934974	
13	20127060	Lê Chánh Tâm	Xây dựng	3,000,000		3,000,000	31410003956428	
14	18127041	Lê Anh Quân	Xây dựng	3,000,000		3,000,000	31410002923146	
15	18127012	Chu Minh Hải	Xây dựng	3,000,000		3,000,000	31410003689052	
16	19124147	Nguyễn Văn Ngoan	CLC	3,000,000		3,000,000	31410004100547	
17	17145242	Phạm Văn Tuấn	CLC	3,000,000		3,000,000	31410003742399	
18	20143215	Phạm Lê Duy Tùng	CLC	3,000,000		3,000,000	31410003970783	
19	19142078	Phan Đình Long Nhật	CLC	3,000,000	7,002,000	10,002,000	31410003402000	giảm 50% HP
20	19110314	Đoàn Quốc Việt	CLC	3,000,000		3,000,000	31410003770938	
21	19128006	Trần Vũ Phương	CN HH&TP	3,000,000		3,000,000	31410003437084	
22	20146093	Trần Khánh Duy	Cơ khí chế tạo máy	3,000,000		3,000,000	31410003926519	
23	18144223	Lê Văn Thành Đô	Cơ khí chế tạo máy	3,000,000		3,000,000	31410002926808	
24	18144253	Đỗ Lê Anh Kiệt	Cơ khí chế tạo máy	3,000,000		3,000,000	31410002884313	

25	18144302	Lê Minh Thuận	Cơ khí chế tạo máy	3,000,000		3,000,000	31410002929676	
26	19158102	Võ Chiêu Bình	In & truyền thông	3,000,000	13,000,000	16,000,000	31410003437640	miễn 100% HP
27	20110646	Chau Chhin Hua	CNTT	3,000,000		3,000,000	31410003964342	
28	20110607	Lê Hoà An	CNTT	3,000,000		3,000,000	31410003964892	
29	20130067	Huỳnh Thị Thanh Thúy	Khoa học ứng dụng	3,000,000	10,920,000	13,920,000	31410003875161	miễn 100% HP
30	20123036	Mai Thị Thanh Tâm	CN may và thời trang	3,000,000		3,000,000	31410003948294	
31	20123045	Nguyễn Thị Thúy Uyên	CN may và thời trang	3,000,000		3,000,000	31410003948364	
32	19121017	Nguyễn Thị Hà Minh	CN may và thời trang	3,000,000		3,000,000	31410003448925	
33	19131130	Nguyễn Tấn Thiện	Ngoại ngữ	3,000,000		3,000,000	31410003453628	
34	19145365	Vũ Duy Đạt	Cơ khí động lực	3,000,000		3,000,000	31410004136223	
35	20147312	Lê Huỳnh Hoàng Phúc	Cơ khí động lực	3,000,000		3,000,000	31410003931452	
36	20154056	Trần Minh Quân	Cơ khí động lực	3,000,000		3,000,000	31410003942889	
37	18147120	Vũ Minh Phụng	CLC	6,000,000		6,000,000	31410003455846	
38	19124300	Dương Thị Ngọc Phú	Kinh tế	6,000,000	14,560,000	20,560,000	31410003444330	miễn 100% HP
39	19124316	Lê Thị Mỹ Thảo	Kinh tế	6,000,000		6,000,000	31410004093188	
40	19142361	Hồ Nguyễn Hồng Phúc	Điện - Điện tử		6,760,000	6,760,000	31410004113776	giảm 50% HP
41	19143298	Đặng Tấn Từ Nhi	Cơ khí chế tạo máy		6,500,000	6,500,000	31410003394295	giảm 50% HP
42	20146483	Huỳnh Quốc Dân	Cơ khí chế tạo máy		7,020,000	7,020,000	31410003926634	giảm 50% HP
43	19124316	Lê Thị Mỹ Thảo	Cơ khí chế tạo máy		6,720,000	6,720,000	31410004093188	giảm 50% HP
44	19110442	Trần Nhật Quang	CNTT		5,980,000	5,980,000	31410003428325	giảm 50% HP
45	19151182	Phan Thành Tín	CLC		9,801,000	9,801,000	31410003749460	giảm 50% HP
46	19132020	Trương Thị Thanh Dung	Kinh tế		12,880,000	12,880,000	31410003451525	miễn 100% HP
47	19145333	Nguyễn Công Tuấn	CLC		13,794,000	13,794,000	31410003432876	miễn 100% HP
48	19110055	Diệp Tấn Luân	CNTT	3,000,000	13,520,000	16,520,000	31410003785710	miễn 100% HP
49	19110371	Trần Thị Mỹ Huyền	CNTT		11,960,000	11,960,000	31410003419569	miễn 100% HP
50	19142331	Lâm Quốc Khôi	Điện- Điện tử		16,640,000	16,640,000	31410004115550	miễn 100% HP
TỔNG CỘNG						306,217,000		

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm lẻ sáu triệu hai trăm mười bảy ngàn đồng